TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1006/2026/DS–ST
Ngày: 08–6–2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Én

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1465/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 783/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH S; Địa chỉ trụ sở: Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13, Số a, đường Trần Bạch Đ, phường Thủ T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn T; Địa chỉ: Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13, Số a, đường Trần Bạch Đ, phường Thủ T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền ngày 19/11/2025. (Có mặt)

2. Bị đơn:

Ông Lương Hoàng G, sinh năm 1991; Địa chỉ thường trú: Căn hộ A chung cư CH1, đường số 10, khu dân cư C, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh; Hiện

nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Phân trại tạm giam Thông Tây Hội. (Vắng mặt)

Bà Trương Thị Ngọc Y, sinh năm 1991; Địa chỉ thường trú: Số B đường Hồng L, phường Bảy H, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số C Lũy Bán B, phường Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TNHH S (gọi tắt là ngân hàng S) có người đại diện hợp pháp là ông Vũ Văn T trình bày:

Ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y vay vốn tại ngân hàng S theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2022/HĐTD-0721 ngày 28/3/2022, với nội dung cơ bản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 817.000.000 đồng (Tám trăm mười bảy triệu đồng);

- Thời hạn vay: 96 tháng (Từ ngày 28/3/2022 đến 28/3/2030);

- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời gian cho vay là 7,5%/năm;

- Mục đích vay: Mua xe ô tô hiệu VINFAST LUX A2.0, 05 chỗ, màu trắng, biển số 51K-223.93, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, ông G và bà Y đã ký Hợp đồng thế chấp số SHBVN/RMC/2022/HĐTC-0721 ngày 28/3/2022 với ngân hàng S để thế chấp xe ô tô. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Phiếu yêu cầu đăng ký ngày 29/3/2022. Tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu VINFAST LUX A2.0; Biển số xe 51K-223.93; Số máy 220260021VF20SED; Số khung RPXAB1RSFNV000259; Màu sơn trắng; Số chỗ ngồi 5 chỗ; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022 mang tên Lương Hoàng G.

Ngày 28/3/2022, ngân hàng S đã giải ngân cho ông G và bà Y vay tổng số tiền 817.000.000 đồng (Tám trăm mười bảy triệu đồng). Tính đến ngày 05/6/2024, ông G và bà Y đã thanh toán 326.344.054 đồng, trong đó: tiền gốc 212.761.086 đồng, tiền lãi 113.582.968 đồng.

Từ ngày 06/6/2024 đến nay, ông G và bà Y đã không thanh toán bất kỳ số tiền nào cho ngân hàng S. Nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện thoại, làm việc nhưng không nhận được sự hợp tác của ông G và bà Y.

Tính đến ngày 08/6/2026, ông G và bà Y còn nợ ngân hàng S số tiền là 744.362.947 đồng, trong đó: Nợ gốc 604.238.914 đồng; Nợ lãi trong hạn 94.923.681 đồng; Nợ lãi quá hạn 45.200.352 đồng. Lãi suất quá hạn đang áp

dụng là 11,25%/năm (số ngày quá hạn 734 ngày tính từ ngày 05/6/2024 đến hết ngày 08/6/2026).

Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y phải trả cho ngân hàng S toàn bộ số nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 08/6/2026) là 744.362.947 đồng, trong đó nợ gốc 604.238.914 đồng, nợ lãi trong hạn 94.923.681 đồng, lãi quá hạn 45.200.352 đồng.

Kể từ sau ngày 08/6/2026, ông G và bà Y còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi và các loại chi phí phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán hết khoản vay.

Trường hợp ông G và bà Y không thanh toán khoản nợ, ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi, xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiệu VINFAST LUX A2.0; Biển số xe 51K-223.93; Số máy 220260021VF20SED; Số khung RPXAB1RSFNV000259; Màu sơn trắng; Số chỗ ngồi 5 chỗ; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022 mang tên Lương Hoàng G.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán dứt khoản nợ, ông G và bà Y có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn bà Trương Thị Ngọc Y trình bày:

Bà và ông Lương Hoàng G có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH S ngày 28/3/2022, khoản vay gốc 817.000.000 đồng để mua xe ô tô, thời hạn vay 96 tháng. Vợ chồng bà Y có thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST biển số xe 51K-223.93 theo hợp đồng thế chấp ngày 28/3/2022. Bà và ông G đã ly hôn theo Quyết định số 149/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2023, hiện ông G đang bị tạm giam. Tình hình kinh tế hiện đang khó khăn, bà không đủ điều kiện trả hết nợ. Bà đề nghị nguyên đơn xem xét giảm hết số tiền nợ lãi, số nợ gốc bà và ông G mỗi người chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn 50% số nợ gốc. Nếu bà và ông G không trả được nợ phía ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST biển số xe 51K-223.93 hiện tại bà không quản lý sử dụng, không biết xe đang ở đâu. Bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử cho đến khi khi vụ án được giải quyết xong bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lương Hoàng G trình bày:

Ông và bà Trương Thị Ngọc Y là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định số 149/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/02/2023. Trước ly hôn, ông và bà Y có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH S ngày 28/3/2022, hạn mức vay 817.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm, mục đích mua xe ô tô hiệu VINFAST biển số 51K-223.93 theo hợp đồng thế chấp ngày 28/3/2022. Ông bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2024 đến nay, ông Go xe lại cho bà Y quản lý, ông không cho ai khác thuê mướn, quản lý, sử dụng chiếc xe. Xe hết hạn đăng kiểm nên không lăn bánh

được, ông G đề nghị Tòa án không xem xét, thẩm định chiếc xe. Tạm tính đến ngày 20/4/2026, ông và bà Y còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 604.238.914 đồng, nợ lãi 130.898.175 đồng. Ông đồng ý cùng bà Y trả số nợ này, nhưng ông đang ở trong trại giam không có khả năng trả nợ, đồng ý nguyên đơn phát mãi xử lý chiếc xe thế chấp để thu hồi nợ. Ông G yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án.

Do bị đơn ông G và bà Y vắng mặt (có yêu cầu vắng mặt) nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Thuật giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông G và bà Y vắng mặt (có yêu cầu vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ngân hàng S khởi kiện ông G và bà Y yêu cầu trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông G và bà Y là bị đơn có địa chỉ tại phường Thông Tây H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị đơn ông G và bà Y có yêu cầu được vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu ông G, bà Y thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 08/6/2026: Nợ gốc 604.238.914 đồng, nợ lãi trong hạn 94.923.681 đồng, nợ lãi quá hạn 45.200.352 đồng, tổng cộng 744.362.947 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số SHBVN/RMC/2022/HĐTD-0721 ngày 28/3/2022 kèm Điều khoản và điều kiện chung hợp đồng tín dụng thể hiện nội dung thỏa thuận giữa các bên như sau:

Hạn mức tín dụng: 817.000.000 đồng (Tám trăm mười bảy triệu đồng);

- Thời hạn vay: 96 tháng (Từ ngày 28/3/2022 đến 28/3/2030);

- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời gian cho vay là 7,5%/năm;

- Mục đích vay: Mua xe ô tô hiệu VINFAST LUX A2.0, 05 chỗ, màu trắng, biển số 51K-223.93, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số SHBVN/RMC/2022/HĐTD-0721 ngày 28/3/2022 kèm Điều khoản và điều kiện chung hợp đồng tín dụng, Đơn rút vốn vay kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2022, Danh sách người thụ hưởng ngày 28/3/2022 đủ cơ sở xác định ngân hàng S đã giải ngân đủ số tiền vay là 817.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 28/3/2022 đến ngày 05/6/2024, ông G và bà Y trả cho nguyên đơn nợ gốc 212.761.086 đồng, nợ lãi 113.582.968 đồng. Từ sau ngày 05/6/2024, ông G và bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán, số nợ gốc còn lại là 604.238.914 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, do ông G và bà Y vi phạm nghĩa

vụ thanh toán nên ngày 05/6/2024, ngân hàng S đã chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp (7,5%/nămx150%=11,25%/năm). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/6/2026, ông G và bà Y nợ lãi trong hạn 108.667.539 đồng, nợ lãi quá hạn 218.697.636 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ lãi là có cơ sở để chấp nhận.

Như vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc 604.238.914 đồng, nợ lãi trong hạn 94.923.681 đồng, nợ lãi quá hạn 45.200.352 đồng, tổng cộng 744.362.947 đồng hoàn toàn có cở sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

[2.3] Nguyên đơn yêu cầu ông G và bà Y phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2026 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp Ông G và bà Y không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số SHBVN/RMC/2022/HĐTC-0721 ngày 28/3/2022 ký giữa ngân hàng S với ông G và bà Y, tài sản thế chấp là: xe ô tô hiệu VINFAST LUX A2.0; Biển số xe 51K-223.93; Số máy 220260021VF20SED; Số khung RPXAB1RSFNV000259; Màu sơn trắng; Số chỗ ngồi 5 chỗ; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022 mang tên Lương Hoàng G. Tài sản thế chấp đã thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm theo Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 29/3/2022 và Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 29/3/2022 của Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/3/2022. Nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Trường hợp ông G và bà Y không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi, xử lý tài sản thế chấp nêu trên là có cở sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 4.1 Điều 4 của hợp đồng thế chấp ngày 28/3/2022.

[2.5] Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì ông G và bà Y có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại.

[2.6] Trường hợp ông G và bà Y trả hết nợ thì nguyên đơn phải trả lại cho ông G và bà Y bản chính: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022 mang tên Lương Hoàng G.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 33.774.518 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 16.134.128 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 94, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TNHH S toàn bộ số nợ gốc và lãi (tính đến ngày 08/6/2026) là 744.362.947 đồng, trong đó nợ gốc 604.238.914 đồng, nợ lãi trong hạn 94.923.681 đồng, lãi quá hạn 45.200.352 đồng, theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số SHBVN/RMC/2022/HĐTD-0721 ngày 28/03/2022.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y không thanh toán ngay được toàn bộ khoản nợ nêu trên, Ngân hàng TNHH S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiệu VINFAST LUX A2.0; Biển số xe 51K-223.93; Số máy 220260021VF20SED; Số khung RPXAB1RSFNV000259; Màu sơn trắng; Số chỗ ngồi 5 chỗ; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022 mang tên Lương Hoàng G; Theo Hợp đồng thế chấp số SHBVN/RMC/2022/HĐTC-0721 ngày 28/3/2022.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán dứt khoản nợ, ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

Trường hợp ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y trả hết nợ thì Ngân hàng TNHH S có trách Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50118631, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022 mang tên Lương Hoàng G.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Hoàng G và bà Trương Thị Ngọc Y phải nộp án phí là 33.774.518 đồng tại Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trả lại Ngân hàng TNHH S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.134.128 đồng theo Biên lai thu số 0048764 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7 - TP.HCM ;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc